

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 133/2017/HSST

Ngày: 25 - 8 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Phương Hoa.

2. Bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN K**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Trần Văn S, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1956.
Vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1989.

Có 02 con: Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2017 đến ngày 29/6/2017 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Chị Sầm Thị Đ, sinh năm 1982; Trú tại C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. (*Vắng mặt*)

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979; Trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

Người làm chứng:

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1993; Trú tại thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

- Anh Bùi Mạnh T1, sinh năm 1985; Trú tại phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/6/2017, Trần Văn K điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Lead, biển số 1*U1 - **** đi từ nhà đến khu vực đường P, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây K gặp và mua của một người nam giới khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Sau khi nhận gói ma túy, K cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe máy đi tìm chỗ vắng người để sử dụng. Khi K đi đến khu vực ngã ba đường P + L, thuộc phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì bị tổ công tác Công an thành phố T yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của những người làm chứng là anh Trần Văn T, sinh năm 1993; Trú tại thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình và anh Bùi Mạnh T1, sinh năm 1985; Trú tại phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình, K tự giác lấy từ túi quần bên phải của K ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, K khai nhận là hêrôin mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác gói lại và niêm phong vào phong bì dán kín trên mép dán có chữ ký của K và người làm chứng. Sau đó, tổ công tác yêu cầu K đưa phương tiện và mời người làm chứng về trụ sở Công an thành phố T. Kiểm tra người K thu tại túi quần bên phải của K 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, thu tại túi quần hậu bên phải của K 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn K, ngoài ra không thu giữ gì thêm. Kiểm tra không phát hiện thu giữ gì. Sau đó tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng để điều tra, xử lý theo quy định.

Bản kết luận giám định số 278/KLGD-PC54 ngày 26/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng **0,3281 gam** (không thấy ba nghìn hai trăm tám mươi một gam)”.

Ngày 07/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển số 1*U1-

**** cho chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979, trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. Chị V đã nhận lại tài sản còn nguyên vẹn, không có ý kiến gì.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Trần Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 136/KSĐT ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào những chính sách có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2015/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 26/6/2017; Do bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định; Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, đã cũ; 01 ví giả da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân tên Trần Văn K; Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng vào ngày 07/8/2017, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển số 1*U1-**** cho chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố khu 19, thị trấn L, huyện H, tỉnh Nam Định, chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục từ số 03, 04); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 20); Bản kết luận giám định số 278 ngày 26/6/2017 (bút lục số 23); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Sầm Thị Đ, chị Nguyễn Thị V) và những người làm chứng (anh Trần Văn T, anh Bùi Mạnh T1) (bút lục từ số 40 - 47, 50 - 59); Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Trần Văn K là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số 278/KLGD-PC54 ngày 26/6/2017, số ma túy thu được của Trần Văn K là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng 0,3281 gam (*không phải ba nghìn hai trăm tám mươi một gam*).

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Và căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.*”

Bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển số 1*U1-****. Qua điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979, trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định. Ngày 26/6/2017, chị V cho bạn là chị Sầm Thị Đ, sinh năm 1982; Trú tại C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai mượn để đi sang Thái Bình. Sau đó chị Đ đã điều khiển xe đến nhà Trần Văn K chơi và cho K mượn xe đi có việc, chị Đ hoàn toàn không biết K sử dụng xe để đi mua ma túy. Ngày 07/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe trên cho chị V là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Chị V đã nhận lại tài sản còn nguyên vẹn, không có ý kiến gì.

Đối với số ma túy thu giữ được của bị cáo, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã cũ, 01 ví giả da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn K, là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người đàn ông khoảng 35 tuổi, không quen biết, ở khu vực đường P, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 26/6/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định là 0,3146 gam hêrôin được niêm phong trong phong bì số 278/KLGD.

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã cũ, 01 ví giả da màu đen và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn K.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 09/8/2017)

- Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng vào ngày 07/8/2017, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển số 18U1-3941 cho chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979, trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định, là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/8/2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an TP. T/Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng